

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 06/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 01/02/2018

“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ninh Văn Trung

Ông Vũ Ngọc Côn

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thiện - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 377/2017/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Giáp Văn T - Sinh năm 1973 (Có mặt)

Trú quán: Thôn B – N D – L Ng – B G.

Bị đơn: Chị Lưu Thị Th – Sinh năm 1980 (Có mặt)

Trú quán: Thôn B – N D – L Ng – B G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24/10/2017 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn anh Giáp Văn T trình bày:

Anh và chị Lưu Thị Th kết hôn với nhau từ cuối năm 1997, trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật, sau khi cưới chị Th về chung sống với anh tại thôn B, xã N D, huyện L Ng, tỉnh B G. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2002 do vợ chồng không bảo ban nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế. Đến ngày

17/11/2012 thì mâu thuẫn căng thẳng và chị Th đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với chị Thúy được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lưu Thị Th.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Giáp Thị Kiều A, sinh ngày 05/8/2001 và Giáp Trần A1, sinh ngày 30/10/2003, ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả 02 con, anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh chị tự thỏa thuận, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/12/2017 bị đơn chị Lưu Thị Th trình bày:

Chị kết hôn với anh Giáp Văn T vào năm 1997, trước khi kết hôn hai người có được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn không bị ai ép buộc, nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn B – N D – L Ng – B G. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, được một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có nhiều bất đồng quan điểm, không bảo ban được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến hay to tiếng, từ đó tình cảm vợ chồng có nhiều rạn nứt, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt không cải thiện được, hiện anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm của hai vợ chồng đã hết, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay anh Giáp Văn T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị, chị hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Giáp Thị Kiều A, sinh ngày 05/8/2001 và Giáp Trần A1, sinh ngày 30/10/2003, ly hôn tùy theo nguyện vọng của các cháu, nếu các cháu có nguyện vọng ở với chị, chị cũng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh chị tự thỏa thuận, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/01/2018 cháu Giáp Thị Kiều A và Giáp Trần A1 đều trình bày: Cháu có nguyện vọng xin được ở với bố là Giáp Văn T.

Tại phiên tòa anh Giáp Văn T trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, vì anh và chị Th không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn giữa anh và chị Th đã trầm trọng, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lưu Thị Th; Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Giáp Thị Kiều A, sinh ngày 05/8/2001 và Giáp Trần A1, sinh ngày 30/10/2003, ly hôn

anh có nguyện vọng nuôi cả 02 con, anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh chị tự thỏa thuận, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Giáp Văn T tự nguyện xin chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên chị Lưu Th trình bày: Chị nhất trí ly hôn với anh Giáp Văn T vì anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Về con chung, chị nhất trí để anh T nuôi cả 02 con chung; Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh chị tự thỏa thuận, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật. Thực hiện thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28; 35; 227; 271; 272 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử: Không công nhận anh Giáp Văn T và chị Lưu Thị Th là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho anh Giáp Văn T nuôi cả 02 con chung là Giáp Thị Kiều A, sinh ngày 05/8/2001 và Giáp Trần A1, sinh ngày 30/10/2003, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, vì các đương sự không yêu cầu, sau khi ly hôn chị Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Th thực hiện quyền này.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh Giáp Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003182 ngày 18/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Giáp Văn T và chị Lưu Thị Th kết hôn với nhau vào năm 1997. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, anh T, chị Th đều xác định vợ chồng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống cho đến nay chị Th và anh T cũng không đi đăng ký kết hôn, do vậy vi phạm Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, nay cuộc sống giữa anh Tuấn và chị Thúy phát sinh mâu thuẫn, anh T có đơn xin ly hôn với chị Th nên cần áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân gia đình xử: Không công nhận anh Giáp Văn T và chị Lưu Thị Th là vợ chồng.

Về con chung: Anh T, chị Th đều xác định: Anh chị có 02 con chung là Giáp Thị Kiều A, sinh ngày 05/8/2001 và Giáp Trần A1, sinh ngày 30/10/2003, ly hôn anh T có nguyện vọng xin được cả 02 nuôi con chung, anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con, chị Th cũng nhất trí với ý kiến của anh T, cháu Giáp Thị Kiều A và cháu Giáp Trần A1 cũng có nguyện vọng xin được ở với anh T, nên cần giao cả 02 cháu Giáp Thị Kiều A và Giáp Trần A1 cho anh T nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi của trẻ em, phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh Giáp Văn T và chị Lưu Thị Th tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Giáp Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28; 35; 227; 271; 272 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử: Không công nhận anh Giáp Văn T và chị Lưu Thị Th là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho anh Giáp Văn T nuôi cả 02 con chung là Giáp Thị Kiều A, sinh ngày 05/8/2001 và Giáp Trần A1, sinh ngày 30/10/2003, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, vì các đương sự không yêu cầu, sau khi ly hôn chị Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Th thực hiện quyền này.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh Giáp Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp

theo biên lai thu số AA/2016/0003182 ngày 18/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã Nam Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Thế